

Họ và tên : MSSV:

NỘI DUNG ĐỀ THI

Câu 1.

[G2.2] Một dự án đầu tư có thời gian thực hiện 5 năm với chi phí tính đến thời điểm dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất là \$60 triệu, lãi thực các năm (từ năm 1 tới năm 5) lần lượt là \$15 triệu, \$18 triệu, \$21 triệu, \$17 triệu và \$12 triệu. Tính IRR của dự án. (Kết quả làm tròn đến 02 chữ số thập phân)

- a. 12.21% b. 12.37% c. 11.98% d. Kết quả khác

Câu 2.

[G2.2] Anh Trung gửi tiết kiệm vào ngân hàng một khoản tiền là 300,000,000 đồng, lãi suất là 12%/năm, lãi nhập gốc cuối mỗi năm. Sau 6 năm, anh Trung đến ngân hàng rút tiền, hỏi số tiền (cả gốc, lãi) anh Trung nhận được bao nhiêu? (Kết quả lấy phần số nguyên)

- a. 600,000,000 đồng b. 595,146,805 đồng c. 592,146,805 đồng d. 590,146,805 đồng

Câu 3.

[G4] Trong SPSS, tên biến là chuỗi ký tự _____.

- a. Bắt đầu bằng số b. Không được trùng lặp
c. Không dài quá 255 ký tự d. Cả ba lựa chọn trên đều đúng

Câu 4.

[G1.2] Giá trị số cuối cùng trong dãy số (bắt đầu từ 10) được tạo bởi lệnh Fill Series với các tùy biến Type Linear, Step value=2, Stop value = 105 là:

- a. 104 b. 105 c. 103 d. 100

Câu 5.

[G1.1] Trong các chuẩn trích dẫn dưới đây, chuẩn nào dành cho lĩnh vực khoa học – kỹ thuật?

- a. APA b. Chicago c. ISO d. IEEE

Câu 6.

[G1.2] Định dạng *Conditional Formatting Icon Sets* được sử dụng để làm gì?

- a. Chèn biểu tượng xác định vào ô có giá trị lớn nhất và nhỏ nhất trong một vùng ô
b. Chèn biểu tượng xác định vào các ô thỏa mãn điều kiện trong một vùng ô
c. Chèn biểu tượng cho biết mức độ tăng giảm giá trị của các ô trong một vùng ô
d. Chèn biểu tượng khoảng giá trị cho các ô

Câu 7.

[G4] Trong phân tích tương quan, hệ số tương quan tuyến tính đơn còn được gọi là _____.

- a. Kendall's tau-b b. Spearman
c. Pearson d. Cả ba lựa chọn trên đều đúng

Câu 8.

[G2] Trước khi sử dụng công cụ *Data Table* để lập bảng phân tích độ nhạy một chiều dạng hàng thì tạo bảng 2 hàng, n cột với cấu trúc như thế nào?

- a. Hàng 1: chuỗi giá trị của biến yếu tố đầu vào, hàng 2: để trống
b. Hàng 1: ô đầu ghi công thức chỉ tới ô biến yếu tố, các ô tiếp theo chứa chuỗi giá trị của biến yếu tố đầu vào, hàng 2: để trống
c. Hàng 1: ô đầu ghi công thức chỉ tới ô kết quả, các ô tiếp theo chứa chuỗi giá trị của biến yếu tố đầu vào, hàng 2: để trống
d. Hàng 1: ô đầu để trống, các ô tiếp theo chứa chuỗi giá trị của biến yếu tố đầu vào, hàng 2: ô đầu ghi công thức chỉ tới ô kết quả, các ô sau để trống

Câu 9.

[G2.2] Một khách hàng gửi 200 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất 0.5%/tháng, lãi nhập gốc sau mỗi 3 tháng. Hỏi sau 10 tháng, khi đến rút tiền, khách hàng nhận được bao nhiêu tiền?

- a. 210,181,353 đồng b. 215,248,530 đồng c. 220,815,538 đồng d. Kết quả khác

Câu 10.

[G1.2] Công thức mảng là loại công thức _____.

- a. Có thành phần công thức là các mảng
b. Cho kết quả là một mảng
c. Chứa các hàm mảng
d. Có thành phần công thức là các mảng và cho kết quả là một mảng

Câu 11.

[G3] Quy trình nào được thực hiện xuyên suốt trong dự án?

- a. Điều tiết b. Thực thi c. Kiểm soát d. Kế hoạch

Câu 12.

[G3] Loại báo cáo nào sau đây không được thực hiện với MS Project?

- a. Báo cáo tiến độ công việc b. Báo cáo doanh thu
c. Báo cáo chi phí d. Báo cáo nguồn lực

Câu 13.

[G2.2] Cho bảng số liệu như bên dưới, hãy xác định công thức tính số tiền nhận được sau 10 năm trong ô B6.

	A	B	C
1	Số tiền ban đầu (PV)	-100000000	
2	Số tiền gửi thêm hàng năm (PMT)	-10000000	
3	Lãi suất r / năm	6%	
4	Số kỳ	10 năm	
5	Kiểu chi trả (type)	0	
6	Số tiền nhận được sau 10 năm (FV)		

- a. =FV(B3,B4,B2,B1,B5) b. =FV(B4,B3,B2,B5,B1)
c. =FV(B4,B3,B2,B1,B5) d. =FV(B4,B3,B2,B1,B5)

Câu 14.

[G1.1] Trong Word, khi thực hiện nén hình ảnh, lựa chọn nén nào sẽ cho kết quả đầu ra tốt cho máy chiếu?

- a. Print (220 ppi) b. Screen (150 ppi)
c. Email (96 ppi) d. Use document resolution

Câu 15.

[G1.1] Cho các thành tố để tạo nên một trích dẫn tài liệu tham khảo như sau:

Tựa đề: Quản lý: Những kỳ vọng cho New Zealand

Các tác giả: Kerr Inkson và Dahl Kolb

Xuất bản: 2012, phiên bản thứ 3

Xuất bản bởi: Pearson in Auckland, New Zealand

Mỗi thành tố được đặt vào trích dẫn tài liệu tham khảo như sau:

Inkson, K., Kolb, D. (2012). *Quản lý: Những kỳ vọng cho New Zealand* (phiên bản 3.). Auckland, New Zealand: Pearson.

Lựa chọn nào sau đây là chuẩn trình bày của cách trích dẫn tài liệu tham khảo trên?

- a. APA b. Chicago c. ISO d. IEEE

Câu 16.

[G1.2] Trong MS Excel, để thực hiện việc thêm trục thứ 2 vào biểu đồ, sử dụng lựa chọn nào sau đây?

- a. Right Click \ Format Data Series \ Primary Axis
b. Right Click \ Format Data Series \ Secondary Axis
c. Click chọn biểu tượng (Change Chart Type) trên nhóm Type của Tab Design
d. Cả ba lựa chọn trên đều sai

Câu 17.

[G1.1] Để thêm thuộc tính kích thước tập tin (Filesize) vào trong tài liệu Word thì sử dụng loại Quick Parts nào sau đây?

- a. AutoText b. Document Properties
c. Field d. Building Blocks Organizer

Câu 18.

[G3] Trong MS Project, để thay đổi đơn vị thời gian cho dự án thì thực hiện các bước nào sau đây?

- a. File → Advanced → Schedule
- b. File → Option → Schedule
- c. Project → Change Working Time
- d. Project → Information → Schedule

Câu 19.

[G2] Cho dự án thực hiện trong 3 năm với dòng tiền các năm (0, 1, 2, 3) lần lượt là -300, -20, 500, 400 tỷ đồng. Công thức nào dưới đây được dùng để tính NPV cho dự án (với mức chiết khấu 8%)?

- a. $NPV(8\%, -300, -20, 500, 400)$
- b. $NPV(8\%, -20, 500, 400) - 300$
- c. $NPV(8\%, -300, -20, 500) + 400$
- d. Cả ba lựa chọn trên đều sai

Câu 20.

[G2] Một khách hàng gửi số tiền P vào ngân hàng với lãi suất r/kỳ, lãi nhập gốc sau mỗi k kỳ. Số tiền nhận được của khách sau n kỳ (n chia hết cho k) được tính theo công thức nào dưới đây?

- a. $F = P \cdot (1 + r)^{n/k}$
- b. $F = P \cdot (1 + n/k \cdot r)^n$
- c. $F = P \cdot (1 + k \cdot r)^{n/k}$
- d. Cả ba lựa chọn trên đều sai

Câu 21.

[G2] Khi giải bài toán tối ưu có nhiều lời giải, lời giải được Solver trả về phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?

- a. Phương pháp giải được chọn
- b. Bộ giá trị khởi đầu cho các biến
- c. Thời gian thực hiện tối đa được cài đặt
- d. Số lần lặp tối đa được cài đặt

Câu 22.

[G4] Trong SPSS, đối với câu hỏi mà người được khảo sát không trả lời thì máy thống kê như thế nào?

- a. Máy thống kê là không
- b. Máy không thống kê
- c. Máy thống kê vào giá trị khuyết
- d. Cả ba lựa chọn trên đều sai

Câu 23.

[G2.2] Giải bài toán qui hoạch tuyến tính: tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = 12x_1 + 9x_2 + 10x_3 + 8x_4$ với các ràng buộc:

$$3x_1 - 2x_2 + x_3 + x_4 \leq 15$$

$$x_1 + 2x_2 + 2x_3 + 3x_4 \leq 10$$

$$2x_1 + x_2 + 2x_3 + x_4 \geq 12$$

$$x_1, x_2, x_3, x_4 \geq 0, \text{ nguyên}$$

(File dữ liệu data_excel_1.xlsx)

Chọn đáp án đúng:

- a. 80
- b. 85
- c. 90
- d. 95

Câu 24.

[G4] Thang đo nào là phù hợp nhất đối với biến dân tộc của gia đình?

- a. Scale
- b. Ordinal
- c. Nominal
- d. Likert

Câu 25.

[G3] MS Project có thể trích xuất tập tin với các định dạng khác nhau, NGOẠI TRỪ:

- a. Định dạng văn bản (.doc)
- b. Định dạng bảng tính (.xls)
- c. Định dạng XML (.xml)
- d. Định dạng PDF (.pdf)

Câu 26.

Cho tập tin data_09.sav chứa dữ liệu khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng với các biến:

+ ChatLuongThongTin: Chất lượng thông tin (kiểu số, Giá trị từ 1 đến 5);

+ ChatLuongHeThong: Chất lượng hệ thống (kiểu số, Giá trị từ 1 đến 5);

+ ChatLuongDichVu: Chất lượng dịch vụ (kiểu số, Giá trị từ 1 đến 5);

+ SuHaiLong: Sự hài lòng (kiểu số, Giá trị từ 1 đến 5);

+ GioiTinh: Giới tính (kiểu số, giá trị 1 - Nữ, 2 - Nam);

+ NhomTuoi: Nhóm tuổi (kiểu số, giá trị 1 - Tuổi 1 đến 18, 2 - Tuổi 18 đến 25, 3 - Tuổi 25 đến 36, 4 - Tuổi 36 đến 45, 5 - Tuổi 45 đến 60);

+ TrinhDo: Trình độ (kiểu số, giá trị 1 - Trung cấp, 2 - Đại học, 3 - Sau đại học);

Ghi chú: Thực hiện các kiểm định với mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$.

[G4] Kiểm định giả thuyết H_0 “Không có sự khác biệt về sự hài lòng giữa 2 nhóm giới tính Nam và Nữ”.

Lựa chọn kết quả đúng:

- a. Kiểm định Levene: $Sig = 0.884$, kiểm định T: $Sig = 0.015 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , có sự khác biệt về sự hài lòng giữa 2 nhóm Nam và Nữ.
- b. Kiểm định Levene: $Sig = 0.884$, kiểm định T: $Sig = 0.021 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , có sự khác biệt về sự hài lòng giữa 2 nhóm Nam và Nữ.
- c. Kiểm định Levene: $Sig = 0.884$, kiểm định T: $Sig = 0.210 \Rightarrow$ Chấp nhận H_0 , không có sự khác biệt về sự hài lòng giữa 2 nhóm Nam và Nữ.
- d. Kiểm định Levene: $Sig = 0.884$, kiểm định T: $Sig = 0.105 \Rightarrow$ Chấp nhận H_0 , không có sự khác biệt về sự hài lòng giữa 2 nhóm Nam và Nữ.

Câu 27.

[G4] Khi thực hiện thống kê mô tả, cảm nhận về chất lượng thông tin của khách hàng có giá trị lớn nhất và nhỏ nhất là bao nhiêu?

Lựa chọn kết quả đúng:

- a. 5 và 1
- b. 4 và 2
- c. 5 và 2
- d. 4 và 1

Câu 28.

[G4] Kiểm định giả thuyết H_0 “Trị trung bình về cảm nhận chất lượng thông tin của khách hàng bằng 3”.

Lựa chọn kết quả đúng:

- a. Kiểm định T: $Sig = 0.015 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , trị trung bình về cảm nhận chất lượng thông tin của khách hàng khác 3.
- b. Kiểm định T: $Sig = 0.501 \Rightarrow$ Chấp nhận H_0 , trị trung bình về cảm nhận chất lượng thông tin của khách hàng bằng 3.
- c. Kiểm định T: $Sig = 0.051 \Rightarrow$ Chấp nhận H_0 , trị trung bình về cảm nhận chất lượng thông tin của khách hàng bằng 3.
- d. Kiểm định T: $Sig = 0.010 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , trị trung bình về cảm nhận chất lượng thông tin của khách hàng khác 3.

Câu 29.

[G4] Phân tích tương quan tuyến tính giữa 2 biến *ChatLuongDichVu* và *SuHaiLong*.

Lựa chọn kết quả đúng:

- a. Hệ số tương quan hạng $r = 0.405$, $Sig = .000 \Rightarrow$ Chấp nhận giả thuyết “Hai biến có tương quan tuyến tính”.
- b. Hệ số tương quan đơn $r = 0.510$, $Sig = .000 \Rightarrow$ Chấp nhận giả thuyết “Hai biến có tương quan tuyến tính”.
- c. Hệ số tương quan đơn $r = 0.051$, $Sig = .000 \Rightarrow$ Chấp nhận giả thuyết “Hai biến không có tương quan tuyến tính”.
- d. Hệ số tương quan hạng $r = 0.504$, $Sig = .000 \Rightarrow$ Chấp nhận giả thuyết “Hai biến có tương quan tuyến tính”.

Câu 30.

[G4] Xây dựng mô hình hồi qui tuyến tính bội với biến phụ thuộc *SuHaiLong*, biến độc lập *ChatLuongDichVu* và biến độc lập *ChatLuongHeThong*.

Lựa chọn kết quả đúng:

- a. Giải thích được 35% sự biến thiên của dữ liệu, mô hình phù hợp với dữ liệu, phương trình hồi qui là $SuHaiLong = 0.917 + 0.402 * ChatLuongHeThong + 0.282 * ChatLuongDichVu + \varepsilon$
- b. Giải thích được 35% sự biến thiên của dữ liệu, mô hình phù hợp với dữ liệu, phương trình hồi qui là $SuHaiLong = 0.342 * ChatLuongHeThong + 0.345 * ChatLuongDichVu + \varepsilon$
- c. Giải thích được 35% sự biến thiên của dữ liệu, mô hình phù hợp với dữ liệu, phương trình hồi qui là $SuHaiLong = 0.917 + 0.342 * ChatLuongHeThong + 0.345 * ChatLuongDichVu + \varepsilon$
- d. Giải thích được 35% sự biến thiên của dữ liệu, mô hình phù hợp với dữ liệu, phương trình hồi qui là $SuHaiLong = 0.402 * ChatLuongHeThong + 0.282 * ChatLuongDichVu + \varepsilon$

-----Hết-----

Sinh viên được sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

